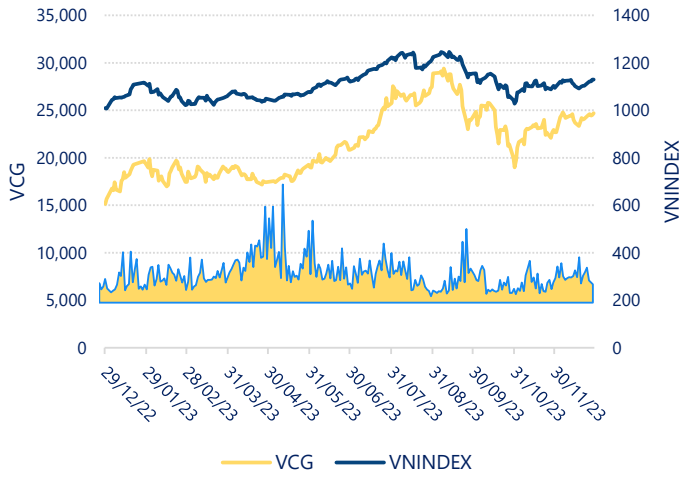
KẾT QUẢ KINH DOANH

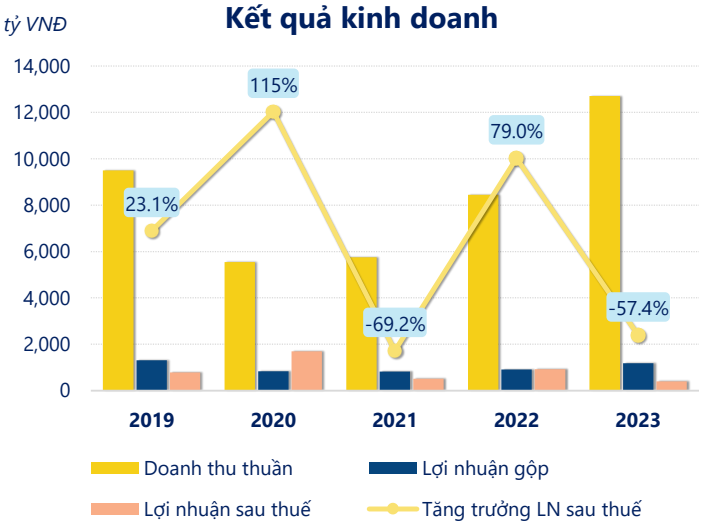
Ngày 29/12/2023	24,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.9%	1.4%	16.2%

Lịch sử giá



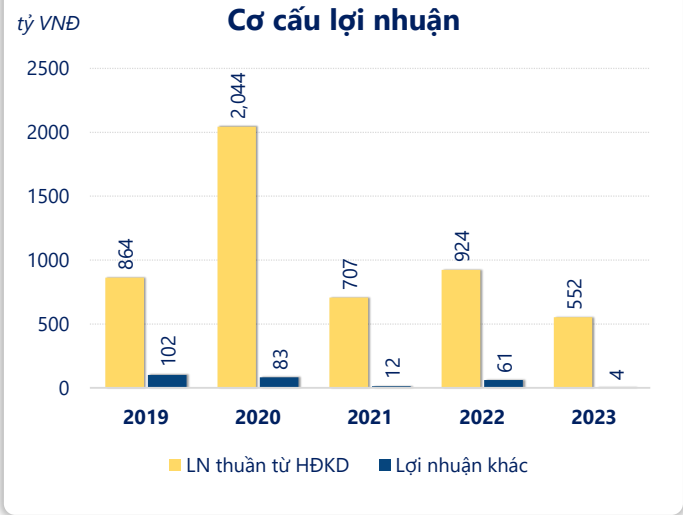
	2023	YoY
DT thuần	12,704 tỷ VNĐ	▲ 4,251 ▲ 50.3%
LN gộp	1,181 tỷ VNĐ	▲ 264 ▲ 28.8%
LN thuần	552 tỷ VNĐ	▼ 372 ▼ 40.3%
LN sau thuế	396 tỷ VNĐ	▼ 535 ▼ 57.4%
ROE	4.0%	+/- YoY ▼ 5.0%
ROA	1.3%	+/- YoY ▼ 1.2%

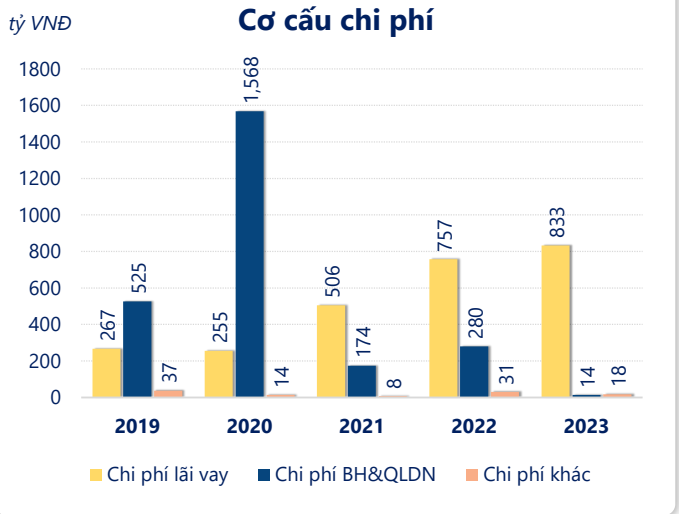
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **VCG** năm **2023**, doanh thu thuần **tăng mạnh 50.3%** đạt **12,704** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 57.4%** chỉ còn **396.4** tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **4.04%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

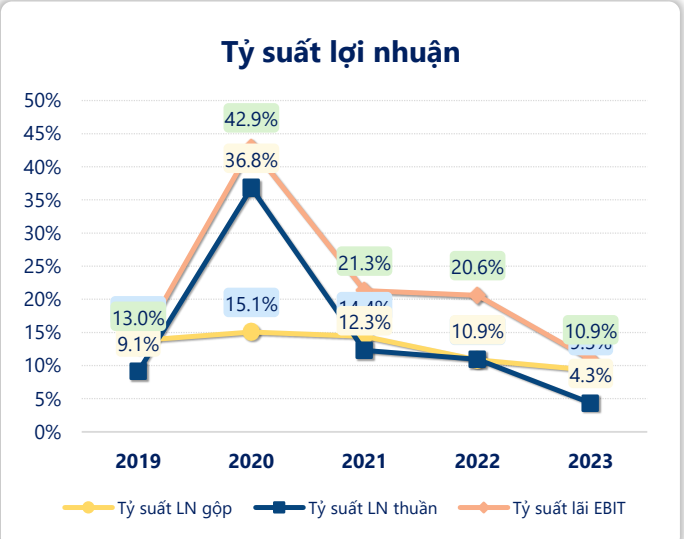


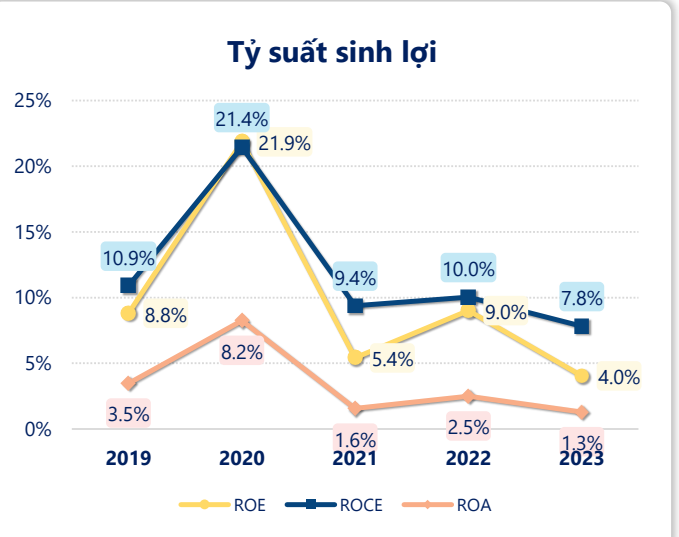


Năm **2023**, **VCG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **551.6** tỷ đồng, **giảm đi 372.4** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (1,018 tỷ đồng) là 466.3 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

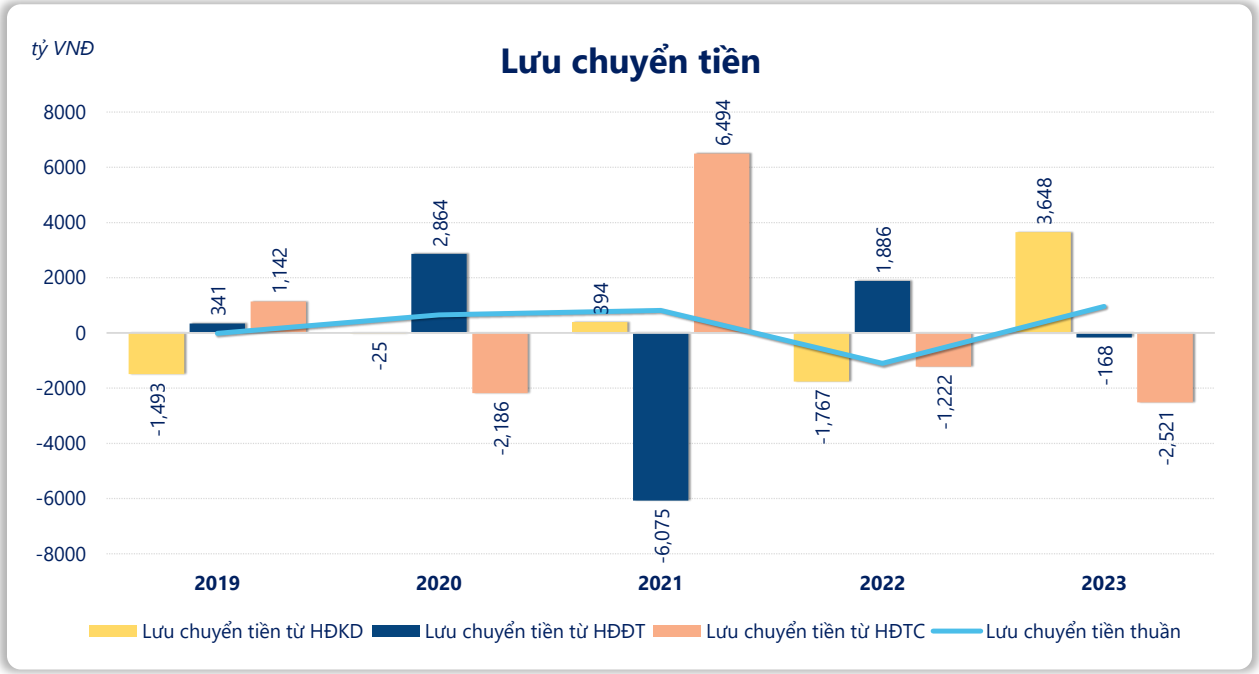
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **832.9** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **13.70** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **17.73** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VCG năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **4.04%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**9,502**	**5,551**	**5,749**	**8,453**	**12,704**
Giá vốn hàng bán	8,191	4,715	4,920	7,536	11,523
Lợi nhuận gộp	**1,311**	**836**	**829**	**917**	**1,181**
Doanh thu HĐTC	250	3,046	527	1,080	351
Chi phí TC	313	277	499	765	854
Chi phí lãi vay	**267**	**255**	**506**	**757**	**833**
LN trong công ty LKLD	141	6.51	23.4	-27.4	-113
Chi phí bán hàng	80.4	61.5	36.3	57.5	92.7
Chi phí QLDN	445	1,506	138	223	-79.0
LN thuần từ HĐKD	**864**	**2,044**	**707**	**924**	**552**
Lợi nhuận khác	102	83.1	12.1	61.3	4.35
LN trước thuế	**965**	**2,127**	**719**	**985**	**556**
Lợi nhuận sau thuế	**787**	**1,690**	**520**	**931**	**396**
LNST của CĐ cty mẹ	**684**	**1,605**	**394**	**782**	**404**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của VCG bằng **959.6** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2022 (-1,102 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **3,648** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-167.8** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-2,521** tỷ đồng.